

## THÁI ĐỘ CỦA MINH MẠNG VỚI CÔNG GIÁO

LÊ TUẤN ĐẠT<sup>(\*)</sup>

Đánh giá về Minh Mạng từ xưa đến nay có nhiều ý kiến khác nhau, thậm chí đến mức trái ngược. Trong khi có người ca ngợi ông là một vị vua thông minh, chăm chỉ, có tài, thì cũng có người lên án ông là một bạo chúa, một hôn quân, một Néron đối với người Việt Nam Công giáo.

21 năm cầm quyền (1820 – 1840), Minh Mạng ra 6 chỉ dụ cấm đạo, vào các năm 1825, 1826, 1833, 1836, 1838 và 1839. So sánh thấy 13 năm đầu (1820 – 1832) có 2 chỉ dụ, 4 chỉ dụ còn lại tập trung vào 8 năm về sau (1833 – 1840). Tương tự, trong số 117 thánh tử đạo ở Việt Nam, 58 vị dưới thời Minh Mạng thì 13 năm đầu không có ai, 7 vị ở 5 năm 1833 – 1837, 51 vị vào 3 năm 1838 – 1840.

Phạm Phát Huôn trong *Việt Nam giáo sử* đánh giá Minh Mạng: “Bạo chúa vì Minh Mạng đã giết hại người Công giáo, bạo chúa vì thủ tiêu cháu đích tôn của Gia Long và lên án Lê Văn Duyệt một cách bất công. Một con người độc tài như Minh Mạng không thể đem lại sự thịnh vượng cho đất nước. Trong đời ông người ngoại quốc và người trong nước đều bất mãn cách hành động của ông nên từ Bắc chí Nam đã có những cuộc dấy loạn mục đích xô Minh Mạng xuống khỏi ngai vàng”<sup>(1)</sup>.

Sự thật Minh Mạng có đáng bị lên án đến thế không, và có phải Minh Mạng giết hại người Công giáo một cách vô cớ, đầy khát máu hay còn vì những nguyên nhân nào khác?

### Gia Long và vấn đề Công giáo dưới thời ông

Năm 1802, sau khi lật đổ vương triều Tây Sơn, Nguyễn Ánh lên ngôi vua. Ngay sau khi lên ngôi, vua Gia Long công bố độc tôn Nho giáo, lấy Nho giáo làm hệ tư tưởng chính thống và học tập các triều đại Trung Hoa và Việt Nam trước đây trong việc tổ chức chính quyền. Là người được phương Tây và các giáo sĩ, đặc biệt là Giám mục Bá Đa Lộc (Pigneau de Béhaine) hết lòng giúp đỡ, tại sao Nguyễn Ánh lại chọn Nho giáo chứ không phải là Công giáo hay học thuyết tư tưởng nào khác cai trị đất nước?

Điều này cũng dễ hiểu, bởi vì Nho giáo có mặt ở Việt Nam đã gần 2.000 năm, từ thế kỉ XV nó trở thành học thuyết chính trị xã hội. Nho giáo đến và ở lại Việt Nam

do biết dung hợp với văn hoá bản địa, cùng với đạo Phật, đạo Lão củng cố thêm nền tảng tư tưởng, đạo lí, tâm lí, nếp sống, văn hoá của người Việt.

“Sự lựa chọn Nho học - Nho giáo của tầng lớp cầm quyền Việt Nam trong gần 1.000 năm xuất phát từ yêu cầu xây dựng một nhà nước quân chủ chuyên chế tập quyền, một xã hội cộng đồng thống nhất dựa trên nền tảng kinh tế nông nghiệp. Lí thuyết Nho giáo như “chính danh định phận”, “tam cương ngũ thường”, “trung hiếu” là đáp ứng nhu cầu này”<sup>(2)</sup>.

\*. Giảng viên Khoa Chính trị, Trường Quân sự Quân khu 3, Chí Linh, Hải Dương.

1. Phạm Phát Huôn. *Việt Nam giáo sử*. Tập 1. Dòng Chúa cứu thế 1958, tr. 194.

2. Phan Đại Doãn. *Mấy vấn đề Nho học – Nho giáo ở Miền Bắc Việt Nam từ nửa sau thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX*. Tạp chí *Triết học*, số 2(96) tháng 4 – 1997, tr. 32.

Để xây dựng một chế độ quân chủ chuyên chế tập quyền tuyệt đối hoá ngôi vua (coi ông vua là Thiên tử - con Trời), nhằm bảo đảm quyền lợi lâu dài của dòng họ, Gia Long đã chọn Nho giáo. Trị nước theo tinh thần Nho giáo, đứng trên lập trường của Nho giáo cho nên Gia Long cũng như các ông vua nhà Nguyễn đều ứng xử theo kiểu nhà Nho trước vấn đề văn hoá, tôn giáo, theo kiểu một ông vua Nho giáo đối với vấn đề chính trị, ngoại giao. Và nhất là trong việc lựa chọn người kế tục sự nghiệp, Gia Long phải có sự cân nhắc rất kĩ càng.

Thời gian ở ngôi, tuy không cự tuyệt với phương Tây nhưng vua Gia Long đã tỏ ra dè dặt và có cách đối xử hai mặt. Một mặt thừa nhận những người Pháp đã giúp đỡ ông, trong đó có các giáo sĩ, Gia Long tiếp tục sử dụng những người này và đền đáp công ơn họ một cách xứng đáng; mặt khác hết sức mềm dẻo nhưng không tỏ ra nhiệt tình trong mối quan hệ với các nước phương Tây, tuy vẫn chấp nhận cho họ qua lại buôn bán. Nguyên nhân của thái độ trên có lần được Gia Long chỉ ra: “Tiên vương kinh dinh việc nước, không để người Hạ ở lẫn người Di. Đó thực là để ý đề phòng từ lúc việc còn nhỏ. Người Hồng mao gian xảo trí trá không phải nòi giống ta, lòng họ hẳn khác...”<sup>(3)</sup>.

*Gia Long là người hiểu rõ hơn ai hết cái họa phương Tây, “cũng hơn ai hết nhà vua biết rõ mối quan hệ giữa các nhà truyền giáo với các thế lực chính trị và quân sự chặt chẽ thế nào”<sup>(4)</sup>. Bản thân mối quan hệ Nguyễn Ánh - Bá Đa Lộc và Bá Đa Lộc với Pháp đã là một bài học, và rồi nói như Trần Văn Giàu thì khi đã trót cưỡi cá sấu qua sông, lên bờ Gia Long không khỏi trồn với cá sấu<sup>(5)</sup>. Sự kiện năm 1817, chiến hạm Pháp La Cybel đến biển*

Đà Nẵng đòi thi hành Hiệp ước 1787 càng củng cố thêm suy nghĩ này.

Với riêng vấn đề Công giáo, Gia Long tuy có cái nhìn khoan dung xuất phát từ sự hiểu biết khá rõ về đạo nhưng cũng không tránh khỏi bất bình trước thái độ bất dung hợp của Công giáo với văn hoá và tín ngưỡng dân tộc. Gia Long từng tranh luận với Bá Đa Lộc, yêu cầu Toà Thánh cho phép giáo hữu tuân thủ một số nề nếp và tập tục truyền thống nhằm giữ đạo lí, văn hoá dân tộc và nhất là đảm bảo sự uy nghiêm, thống nhất của triều đình. Sự việc Thái tử Cảnh không chịu quỳ lạy trước bàn thờ tổ tiên khiến Gia Long tức giận, sau này (10/1838) Minh Mạng còn nhắc lại coi đó như một điều tệ hại của Công giáo.

18 năm dưới triều vua Gia Long, Công giáo khá ổn định, các giáo sĩ được tự do đi lại truyền đạo. Nhưng cũng có người nhắc tới tờ chiếu ban hành năm 1804 và coi đó như một chỉ dụ cấm đạo đầu tiên của nhà Nguyễn. Đạo dụ này tuyên bố hạn chế các tôn giáo, trong đó có Công giáo, lời lẽ như sau: “... lại như đạo Giatô là tôn giáo nước khác truyền vào nước ta, bịa ra thuyết thiên đường địa ngục khiến kẻ ngu phụ chạy vạy như điên, tiêm nhiễm thành quen, mê mà không biết. Từ nay về sau, dân các tổng xã nào có nhà thờ Giatô thì phải đưa đơn trình quan trấn, mới được tu bổ, dựng nhà thờ mới thì cấm...”<sup>(6)</sup>.

3. Quốc triều chánh biên. Nhóm nghiên cứu Sử - Địa xuất bản 1972.

4. Đỗ Quang Hưng – Quốc Trung. *Chiến trận ở Đà Nẵng 130 năm trước. Diễn tiến và kết cục*. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 5 – 6 /1987, tr. 75.

5. Trần Văn Giàu. *Sự phát triển của hệ tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỉ XIX đến Cách mạng Tháng 8*. Tập 1. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 1973, tr. 334.

6. *Đại Nam thực lục chính biên*. Tập 3. Nxb Sử học, Hà Nội 1960, tr. 168.

Nhiều người cho rằng *Gia Long đã khôn khéo thể hiện đường lối của mình, không cởi mở như các giáo sĩ mong muốn, nhất là làm thất vọng những giáo sĩ từng hi vọng dựa vào ông để mở ra một kỉ nguyên mới của Công giáo Việt Nam.* Và họ sẽ còn phải thất vọng hơn nữa trong việc ông lựa chọn người kế vị.

Năm 1816, Gia Long quyết định chọn Thái tử Đảm, con thứ tư của một thứ phi thay vì dòng đích con Thái tử Cảnh, làm người kế vị. Sự lựa chọn này gây bất bình lớn đối với một bộ phận quan lại cao cấp trong triều. Nhưng vấn đề người kế vị ngôi vua từ trước đó đã được đặt ra, gây chia rẽ sâu sắc trong triều đình. Trong một bức thư đề ngày 14/09/1806, thừa sai Eyot đang có mặt ở Địa phận Tây Đàng Ngoài cho biết: “Các quan người Đàng Ngoài đã vào Đàng Trong để, theo như người ta nói, chọn người kế vị ngai vàng, nhưng đã trở lại Đàng Ngoài mà vấn đề chưa kết thúc được. Hình như, trong hội đồng, người ta không đồng ý được với nhau: có người muốn chọn một người cháu nội của nhà vua, con của ông hoàng được đức Giám mục Adran dạy dỗ; nhưng người khác lại muốn chọn con của một vị thứ phi 16 - 17 tuổi”<sup>(7)</sup>.

Cuối cùng thì vấn đề cũng được quyết định, mặc dù những người như Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt ra sức can vua Gia Long. Tác giả Ravier trong *Sử kí Hội Thánh III* cho biết vua Gia Long có lần giải thích với hai vị công thần đầu triều này lí do ông ta chọn Thái tử Đảm: “Khi người ta chết mà còn để lại những món nợ trên đời thì chủ nợ thường tìm đến đòi nợ ở con mình chứ không phải ở cháu mình. Vì vậy trăm không thấy sai khi chọn một đứa con mà không chọn một đứa cháu”<sup>(8)</sup>.

*Nếu câu nói này có thật thì càng chứng tỏ vấn đề phương Tây và Công giáo đã góp một nguyên nhân quan trọng trong sự lựa chọn Minh Mạng kế vị. Qua Minh Mạng, vua Gia Long muốn rũ bỏ hết mối dây liên hệ xa gần, những “nợ nần” với người Pháp và các giáo sĩ.*

Trong cuộc vận động cạnh tranh ngôi vua, phái Lê Văn Duyệt ủng hộ con Đông cung Thái tử Cảnh vì nhiều lí do. Có ý kiến cho rằng Lê Văn Duyệt muốn đường lối chính trị “dựa hẳn vào người Pháp và các thừa sai Thiên Chúa giáo bảo vệ ngai vàng họ Nguyễn và quyền lợi tầng lớp đại quý tộc gắn bó với nhà Nguyễn cũng như trước kia chính người Pháp và các thừa sai đã góp phần giúp Nguyễn Ánh hồi phục cơ đồ họ Nguyễn”<sup>(9)</sup>. Nhưng cũng không loại trừ một nguyên nhân khác, vì ông này còn nhỏ tuổi (kém Minh Mạng 10 tuổi) nên các công thần thích một vị vua có thể sai khiến hơn là một vị đã trưởng thành mà ai cũng phải thừa nhận về sự thông minh, hiểu học và sùng bái Nho giáo.

Về phía giáo sĩ, dĩ nhiên họ ủng hộ phái Lê Văn Duyệt. Đối với họ, con cái một vị Đông cung thái tử chịu ơn, chịu sự giáo dục của giáo sĩ và ảnh hưởng của văn hoá Pháp vẫn tốt hơn một Minh Mạng như đã nói ở trên. Hơn nữa, họ nhận thấy sau ông là Lê Văn Duyệt, một người có thế lực và uy tín lớn, có tinh thần cởi mở với phương Tây, nếu không muốn nói là thân thiện, và nhất là nhiều lần ông ta chứng tỏ sự nâng đỡ Công giáo, được giáo hữu Nam thành tín nhiệm.

7. Trương Bá Cần. *Vua Minh Mạng với Công giáo (từ đầu 1820 đến cuối 1832)*. Nguyệt san Công giáo và Dân tộc, số 14 tháng 2-1996, tr. 116.

8. Phạm Phát Huân. *Sđđ.*, tr. 141.

9. Nguyễn Phan Quang. *Cuộc khởi binh Lê Văn Khôi ở Gia Định (1833-1835)*. Nxb TP. Hồ Chí Minh 1991, tr. 37.

*Đi xa hơn thái độ thiếu thiện cảm là mối ác cảm có thể nhận thấy ở nhiều giáo sĩ đối với Minh Mạng. Lúc bấy giờ các giáo sĩ có lí do để mà lo sợ chính đáng khi nghe lan truyền câu nói sau đây được cho là của Đam: “Sau này khi tôi làm vua, tôi sẽ đuổi hết người theo đạo Giatô về bên phương Tây mà ở”<sup>(10)</sup>.*

### **Minh Mạng: Néron Việt Nam?**

Năm 1820, Minh Mạng nối ngôi, ngay từ đầu nhà vua đã bộc lộ một thái độ hết sức lạnh nhạt với phương Tây và nước Pháp. Ông cự tuyệt thẳng thừng các mối quan hệ với phương Tây, rất nhiều cơ hội tiếp xúc với phương Tây bị bỏ qua. Trong lúc càng tỏ ra hăng hái xây dựng một thể chế chuyên chế theo tư tưởng Nho giáo thì cũng hết sức tuân thủ quan niệm “nội Hạ ngoại Di”, chỉ coi những nước theo Nho giáo mới có văn hoá, các nước khác đều là man di mọi rợ. Thái độ đối với phương Tây càng quyết liệt khi nguy cơ đe dọa từ phía phương Tây đến gần. Năm 1824, những người Pháp cuối cùng trong triều đình đã phải ra đi, kể từ đó cho đến 1839 giữa Pháp và Việt Nam không còn sự liên hệ nào khác ngoài sự viếng thăm của các tàu chiến. Và như Cao Huy Thuần nhận xét: “Thực tế thì các can thiệp đó (của các tàu chiến với lí do bảo vệ người truyền giáo – LTD) có hại hơn là có lợi. Quả vậy, các biện pháp đe dọa chỉ gia tăng “hận thù và khinh bỉ” của các vua chúa Việt Nam đối với đạo mới”<sup>(11)</sup>.

Rất nhiều lần các quan lo lắng tâu xin nhà vua phải có biện pháp ngăn chặn Công giáo như là ngăn chặn sự bành trướng của chủ nghĩa thực dân và văn hoá phương Tây. Bản thân Minh Mạng có lần đọc sách *Giáo lí tân tông* do Thừa sai Jaceard dâng lên và đọc *Tây Dương kí sự* bằng chữ Hán nhưng không thấy thuyết

phục. Ngược lại, Minh Mạng còn cho rằng thuyết Thiên đường Địa ngục, thuyết Chúa Trời tạo dựng vũ trụ, nạn Đại hồng thủy, xây tháp Babel... là vô lí không thể tin. *Nhà vua quan niệm các giáo sĩ trung thành và phục vụ vua nước họ cũng như Nho sĩ trung thành và phục vụ ông. Và như vậy, truyền giáo là công cuộc mở mang bờ cõi, cải đổi văn hoá. Chẳng thế mà có lần Minh Mạng đã nói: “Nghe nói nước họ (giáo sĩ phương Tây - LTD) có phép mở kì thi, người nào giỏi hơn thì lưu lại trong nước để truyền giảng đạo giáo, người giỏi vừa thì đi ngoại quốc, đem tà giáo truyền dạy cho người. Họ ở đâu đều có chia phần đất, phân dân để tự cai quản nhau cho nên ngày thường thư tín đi lại với nhau nhanh như tờ hịch trên cấm cái lông gà. Cái mầm tệ ấy không nên nuôi cho lớn dần lên, phải cấm nghiêm trừ tiết đi”<sup>(12)</sup>. Nhưng nếu đối với vấn đề phương Tây, Minh Mạng tỏ ra rất quả quyết thì vấn đề Công giáo xem ra làm ông khó xử. Người Công giáo cũng là người Việt Nam, đều là “dân đò” mà ông có sứ mệnh thay Trời cai trị và “giáo hoá”. Người Công giáo, theo Minh Mạng, phần lớn nhập đạo từ thời Lê, Tây Sơn là lúc “giáo hoá suy đồi không phải thời thịnh tại”. Ông suy nghĩ rất đơn giản, chỉ cần Nho giáo thịnh đạt, pháp luật nghiêm minh Công giáo sẽ dần dần tàn lụi<sup>(13)</sup>.*

Về phía giáo sĩ, khi Minh Mạng lên ngôi, họ hầu như đã sẵn sàng cho một

10. Đỗ Quang Hưng. *Vấn đề Công giáo với số phận Lê Văn Duyệt*. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2-2001, tr. 30.

11. Cao Huy Thuần. *Đạo Thiên Chúa và chủ nghĩa thực dân tại Việt Nam*. Hương Quê xuất bản 1988, tr. 55.

12. *Đại Nam thực lục chính biên*. Tập 21. Nxb KHXH, Hà Nội 1964, tr. 117 và 101.

13. *Đại Nam thực lục chính biên*. Tập 21. Nxb KHXH, Hà Nội 1969, tr. 117 và 101.

cuộc bách hại. Nhưng mấy năm trôi qua bình lặng khiến họ nghi hoặc. Người lạc quan thì vội tin tưởng Minh Mạng vâng theo lời trăng chối của vua cha tiếp tục đường lối chính sự mềm dẻo, để giáo sĩ tự do hành đạo. Người khác thì thêm lo lắng cho đó chỉ vì Minh Mạng còn lo củng cố ngôi vị, cải cách thể chế nên không muốn vấn đề Công giáo gây thêm sự bất bình, rạn nứt trong triều đình, đặc biệt là rối loạn trong dân chúng. Và còn có cả những lời đồn đại về một kế hoạch bắt đạo quỷ quyệt mà ông ta đang chuẩn bị. Thừa sai Eyot trong một bức thư đề ngày 05/05/1823 cho biết ông đã nghe người ta nói: “Nhà vua đã có một bài rất dài về chúng ta, tất cả các quan đều đồng ý là phải ban hành một sắc chỉ cấm đạo. Nhưng nhà vua đã nói không: Loạn quân Tây Sơn đã ban hành một sắc chỉ và bách hại đạo. Nhưng họ đã không đi đến chỗ triệt tiêu được đạo. Cần tìm cách khác. Người ta chưa biết nhà vua sẽ có cách nào”<sup>(14)</sup>.

Một dư luận khác, như trong cuốn *Xứ Nam Kỳ tôn giáo*, Linh mục L. F. Louvet cho biết, nhà vua đã trả lời các cận thần tấu trình cần thanh toán đạo Công giáo theo kiểu vua Nhật bản: “Cần gì phải bắt chước ai, trăm có biện pháp của trăm, có khi còn hữu hiệu hơn các biện pháp của các ông vua Nhật Bản”<sup>(15)</sup>.

Cuối cùng, *trước sức ép của các quan và sau khi phát hiện tàu phương Tây vẫn ngầm đưa giáo sĩ vào Việt Nam, ngày 12/02/1825 vua Minh Mạng ban chỉ dụ cấm đạo đầu tiên*, lời lẽ khá gay gắt: “Tà đạo Tây Dương làm hư hỏng tâm trí con người. Từ lâu nay, nhiều tàu thuyền của Tây Dương đến đây buôn bán và đem đến đây các Tây Dương đạo trưởng trong vương quốc này. Các đạo trưởng này đã dụ dỗ và làm đổi trụy nhân tâm và làm

hư hỏng phong tục và tập quán. Đây phải chăng là một đạo cho vương quốc chúng ta? Vậy phải ngăn chặn sự lạm dụng này để đem dân ta về con đường của chính đạo”<sup>(16)</sup>.

Trong chỉ dụ cấm đạo đầu tiên này cũng như các chỉ dụ sau của Minh Mạng và các vua nhà Nguyễn đều nhấn mạnh sự đối lập giữa Công giáo với Nho giáo và tín ngưỡng dân tộc, đặc biệt phê phán đạo Thiên Chúa “không thờ cha mẹ không kính quỷ thần” là thứ đạo bất hiếu trái nhân tâm, hại phong hoá. Nhưng *các năm 1825 - 1832 biện pháp của Minh Mạng cũng chỉ nhằm ngăn chặn giáo sĩ xâm nhập và khống chế những người đang hoạt động ở trong nước không cho họ tiếp xúc với giáo dân*. Biện pháp này xem ra không mấy hiệu quả vì bờ biển nước ta dài, giáo sĩ vẫn tiếp tục lén lút vào không mấy khó khăn. Các giáo sĩ ở trong nước có lệnh tập trung về dịch sách tại kinh thành Huế chỉ thấy có vài vị ở Trung Kỳ và Nam Kỳ, còn phía Bắc mệnh lệnh đã không được thực thi.

Tuy thế, chỉ dụ này mới ban ra đã vấp ngay phải sự chống đối của tổng trấn Nam thành Lê Văn Duyệt.

Cuối tháng 12-1827, nhận được sự cầu cứu của các giáo sĩ, Lê Văn Duyệt ra Huế với tập hồ sơ chứng minh công ơn của Giám mục Bá Đa Lộc với nhà Nguyễn. Ông cũng đặc biệt ca ngợi đường lối chính trị mềm dẻo của vua Gia Long và đã nói những lời lẽ sau đây với Minh Mạng: “Tâu Hoàng thượng, chúng ta định bắt bỏ những đạo trưởng Tây Dương, trong khi chúng ta phải nhai cơm do các vị đó cung

14. Trương Bá Cần. Sđd., tr. 115.

15. Đỗ Quang Hưng. Sđd., tr. 32.

16. Trương Bá Cần. Sđd., tr. 115.

cấp cho chúng ta sao? Ai đã giúp Hoàng thượng lấy lại giang sơn? Hình như Hoàng thượng không sợ mất nước? Tây Sơn chém người Công giáo, Tây Sơn đã mất ngôi. Vua xứ Pegor (Miến Điện) vừa đúổi các vị linh mục ra khỏi nước họ, liền bị xô khỏi ngai vàng. Hình như Hoàng thượng không nhớ đến công ơn của các vị thừa sai... không được! Chừng nào thần còn sống, Hoàng thượng sẽ không được làm điều ấy. Khi thần chết rồi, Hoàng thượng muốn làm gì thì làm”<sup>(17)</sup>.

Những lời lẽ gay gắt của Lê Văn Duyệt khiến vua Minh Mạng thêm nghi ngại nhưng cũng làm tăng mối ác cảm của nhà vua với ông.

Những lời lẽ trên còn phần nào phản ánh tâm lí của những người như Lê Văn Duyệt trải qua thời kì chiến tranh “nằm gai nếm mật”, lúc khó khăn nhất được giáo sĩ và người Pháp giúp đỡ. Lê Văn Duyệt không quên ơn nghĩa đó và mong muốn Minh Mạng cũng có một tình cảm giống như ông, đồng thời Lê Văn Duyệt cho rằng cần tiếp tục chính sách khôn khéo của vua Gia Long hơn là những biện pháp gay gắt.

Theo *Đại Nam thực lục*, từ năm 1826 đến năm 1832 đã xảy ra một số vụ việc trong nước gây ảnh hưởng xấu đến thái độ của Minh Mạng đối với Công giáo.

Năm 1826, khởi nghĩa Phan Bá Vành, nghĩa quân rút về cố thủ tại làng Trà Lũ được linh mục, tu sĩ và giáo dân ủng hộ. Minh Mạng được tin rất tức giận.

Năm 1829 - 1831, xảy ra các vụ kiện cáo liên quan đến hai làng Công giáo: Dương Sơn và Mông Phụ. Minh Mạng trực tiếp đứng ra thụ lí vụ án và nhận thấy sự phát triển nhanh chóng của Công giáo.

Đặc biệt là vụ việc vào cuối năm 1832, nhà vua phát hiện trong cấm quân có người theo đạo, mặc dù bị trừng phạt và bắt phải bỏ đạo nhưng đa số họ vẫn kiên tâm giữ đạo không chịu chấp hành mệnh lệnh của nhà vua. Minh Mạng bậy giờ mới giật mình và bắt đầu lo lắng thực sự. Nhà vua đưa vấn đề cho triều đình nghị luận, kết quả là ngày 6/01/1833 đạo dụ cấm đạo Công giáo lần thứ hai được ban hành trong cả nước buộc giáo hữu phải bỏ đạo, các địa phương phải phá huỷ nhà thờ và đe dọa: “Nếu kẻ nào không chừa thói cũ còn dám lén lút tụ tập can tâm vi phạm lệnh cấm, một khi bị phát giác thì liền trị tội nặng”<sup>(18)</sup>.

Nhưng chỉ tới khi xảy ra vụ nổi loạn của Lê Văn Khôi ở Gia Định, triều đình phát hiện sự tham gia của nhiều giáo dân, đặc biệt là của cố Du (Marchand) với vai trò cố vấn cho quân nổi loạn, phát hiện sự liên lạc giữa quân nổi loạn bị vây trong thành với lực lượng giáo dân bên ngoài, không loại trừ có cả quân lính của triều đình; cũng như sự liên hệ với giáo sĩ, giáo dân sống lưu vong ở Ai Lao, Xiêm, Miên, các cuộc truy lùng bắt bớ giáo sĩ, tu sĩ, phá hoại nhà thờ mới diễn ra khá gay gắt ở một số địa phương. Các nạn nhân đầu tiên bị tử hình vào tháng 10/1833.

*Thời gian này, vấn đề Công giáo gây cho Minh Mạng rất nhiều lo nghĩ, nó gắn với cuộc nổi loạn ở Nam Kỳ làm nghiêng ngả vương triều ông. Những người cầm đầu cuộc nổi loạn khôn ngoan lợi dụng lí do trả thù cho Lê Văn Duyệt và tình cảm của dân chúng Nam Bộ với dòng đích và tâm lí lo lắng, ác cảm của giáo sĩ, giáo dân đối với Minh Mạng.*

17. Đỗ Quang Hưng. Sđd., tr. 32.

18. *Đại Nam thực lục chính biên*. Tập 11. Nxb Khoa học, Hà Nội 1964, tr.236.

Năm 1835, thành Phiên An bị hạ, cố Du bị bắt đưa về Huế, bị triều đình khép vào 3 tội:

1. Đã vào thành Phiên An bày mưu kế cho quân phiến loạn chống lại nhà vua, hay ít ra cũng là một trong những người cầm đầu.

2. Đã tự tay viết thư cho người Xiêm và người Anh, yêu cầu họ cứu viện.

3. Đã xúi giục giáo dân chống lại lời kêu gọi của nhà vua khuyên họ ra đầu hàng.

“Dưới con mắt của triều Minh Mạng, Mácsing (Marchand) không chỉ là một giáo sĩ dám chống lại dụ cấm đạo, mà còn là một trong những kẻ thù chủ mưu cuộc nổi loạn, lại thêm việc liên lạc với nước ngoài đem quân về đánh nhà vua. Chiếu theo bộ luật Gia Long thì trên đời này không có tội nào lớn hơn thế nữa”<sup>(19)</sup>.

Trong lúc cuộc nổi loạn của Lê Văn Khôi chưa dẹp yên thì các giáo sĩ vẫn xâm nhập một cách trái phép vào Việt Nam. Nhiều giáo sĩ hoạt động trong nước từ lâu nhưng được giáo dân che chở khiến việc truy bắt không hiệu quả. Năm 1834, ở Thanh Hoá, Nghệ An còn diễn ra hai cuộc nổi loạn khác của người Công giáo.

*Những sự kiện trên cho thấy các giáo sĩ ngày càng can thiệp sâu vào tình hình chính trị Việt Nam, vào các cuộc nổi dậy chống lại vua Minh Mạng. Minh Mạng không chỉ lo sợ cho ngôi báu của mình mà còn e ngại một cuộc xâm lược trong nay mai của phương Tây giống như tình hình đang diễn ra tại khu vực (Philippin, Trung Quốc, Ấn Độ).*

Ngày 16 tháng 1 năm 1836, đạo dụ thứ tư được ban hành phản ánh các suy nghĩ trên của Minh Mạng và phản ứng của ông. Nội dung đạo dụ gồm 4 điểm:

1. Người phương Tây tự tiện vào trong nước bị khép tội “trinh thám ngoại quốc và dò la tin tức”. Người che dấu chứa chấp cùng bị tội chém.

2. Tây Dương đạo trưởng lén lút xâm nhập khép tội trinh thám.

3. Đối với giáo sĩ đang lén lút truyền đạo bị khép thêm tội “tả đạo dị đoan căm dỗ mê hoặc nhân tâm”.

4. Các viên trấn thủ tra xét không kỹ để Tây Dương đạo trưởng lọt vào trong nước thì bị xử tội chém; các quan lại địa phương không tận tình truy bắt thì bị phạt trượng và giáng cấp<sup>(20)</sup>.

Biện pháp cứng rắn trên khiến các quan trấn thủ, quan lại địa phương không dám lơ là, tăng cường kiểm soát bờ biển, đường biên giới và tra xét truy lùng giáo sĩ. Nhiều giáo sĩ, linh mục, tu sĩ, thầy giảng, chủng sinh và giáo dân đã bị bắt, bị giết. Đặc biệt sau đó, tháng 9/1837, Minh Mạng phát giác vụ nổi loạn ở Sơn Tây, giáo sĩ Cao Năng Ni tự xưng là quân sư của quân nổi loạn và tháng 4/1838 phát hiện vẫn còn 4 giáo sĩ Tây phương đang hoạt động ở Nam Định nhờ sự che dấu của người Công giáo. *Những sự kiện trên gây cho Minh Mạng cảm giác bị giáo sĩ thách thức, giáo dân coi thường vương pháp và chống đối. Tháng 4/1838, Minh Mạng điều quân từ Nghệ An, Thanh Hoá ra đàn áp, một biện pháp tiêu cực chứng tỏ sự bất lực trong việc giải quyết vấn đề Công giáo.*

Căn cứ *Đại Nam thực lục* và tiểu sử các thánh tử đạo thời Minh Mạng cho

19. Nguyễn Phan Quang. *Cuộc khởi binh Lê Văn Khôi ở Gia Định (1833-1835)*. Nxb TP. Hồ Chí Minh 1991, tr. 37.

20. *Đại Nam thực lục chính biên*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 1966, tr. 243-247.

thấy đối tượng bị triều đình khép tội ngoài giáo sĩ phương Tây và Việt Nam, thì các chủng sinh, thầy giảng, giáo hữu đều là những người có liên quan đến các cuộc bạo loạn, kiện cáo, dính dáng đến các giáo sĩ ngoại quốc (che giấu, liên lạc). *Minh mạng không chủ trương đàn áp giáo dân mặc dù nhiều ý kiến khuyên ông phải thẳng tay như vua Nhật Bản. Không tự nhiên Minh Mạng bắt, giết giáo dân không có “vấn đề”, tất cả những người bị bắt, bị giết đều có “vấn đề”, như nội dung đạo dụ đã nói rõ.*

Theo quan điểm Nho giáo, Minh Mạng đề cao “giáo hoá”, cho rằng giáo dân “ngu muội” và bị giáo sĩ lừa dối mê hoặc mà theo. Từ nhận thức đó, Minh Mạng đi đến kết luận: một mặt phải “chặt” đi cái gốc của vấn đề là giáo sĩ; mặt khác phải làm sao cho đạo lí thánh hiền thấm nhuần đến mọi tầng lớp dân chúng. Vì thế, trong khi tỏ ra gay gắt với giáo sĩ, đối với giáo dân, ông nhiều lần dụ truyền các quan phải “giáo hoá trước, hình phạt sau”, phải siêng năng “dạy dỗ” làm thức tỉnh “dân ngu muội”. Tháng 6/1834, Minh Mạng ban thập điều tôn sùng đạo học chân chính, phê phán “tà thuyết” Giatô, bắt đem đến từng thôn xã cất cử người có học thức vào mùa xuân hàng năm giảng giải cho dân.

*Dưới thời Minh Mạng, Công giáo là một vấn đề khó khăn, nhưng nó chỉ thực sự gay gắt vào những năm về sau khi*

*Minh Mạng bị đẩy tới chỗ phải đối phó một cách bị động và rất bế tắc về sách lược.*

Xem xét thái độ của Minh Mạng đối với Công giáo phải đặt trong bối cảnh khu vực và trong nước lúc bấy giờ, phải đặt ông trong hoàn cảnh một ông vua tôn sùng Nho giáo có hoài bão trở thành Lê Thánh Tông thứ hai trong lịch sử. Đối với vấn đề phương Tây, ông ứng xử theo tư tưởng “nội Hạ ngoại Di”, đóng cửa ngăn chặn ảnh hưởng của văn hoá và nhất là nền kinh tế thương mại vì e nó phá vỡ trật tự xã hội và chính trị. Đối với tôn giáo tín ngưỡng nói chung, ông ứng xử bằng thái độ “bê trên” chỉ coi Nho giáo mới là “chính đạo” còn các tôn giáo khác, kể cả Phật giáo, Lão giáo và các tín ngưỡng dân gian đều là “tà đạo”. *Nhưng nếu Minh Mạng tỏ ra ít nhiều khoan dung với đạo Phật, đạo Lão là bởi vì các tôn giáo này không gây tác động “nghịch chiều” với Nho giáo, đó là những tôn giáo đã bám rễ sâu vào văn hoá và đời sống tâm linh dân tộc. Với Công giáo, ngoài sự đối đầu gay gắt về văn hoá, Công giáo đã “dính” với vấn đề phương Tây, “dính” tới các cuộc nổi loạn chống đối Minh Mạng và “dính” tới việc tranh giành quyền lực trong nội bộ triều đình, hoàng tộc, điều mà Minh Mạng vừa lo sợ vừa không dễ tha thứ, như cách đối xử với Lê Văn Duyệt là một thí dụ.!*